

Bản án số: 56/2020/HNGĐ-ST
Ngày 25-9-2020
“V/v Ly hôn giữa anh Ph
và chị H”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Duy Diên
2. Ông Tống Xuân Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Thị Thu Hiền - thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên tòa:
Bà Đào Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 25-9-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2020/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân Ph, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Chị Tô Thị H, sinh năm 1973.

ĐKKHKT: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Tạm trú: Thôn Đ, xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình.

(Chị H có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 11-8-2020 và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Xuân Ph trình bày:

Anh kết hôn chị H là do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã Tiến Đức vào ngày 25-11-1992. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, vợ chồng không bao ban được nhau trong cuộc

sống làm ăn, hơn nữa do kinh tế khó khăn. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ tháng 12-2014 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H. Về nuôi con chung: Vợ chồng anh có 03 con chung là Nguyễn Thị L, sinh năm 1993, Nguyễn Thị Th, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Ng, sinh ngày 10-5-2006. Hiện nay cháu L và cháu Th đã đi xây dựng gia đình, không yêu cầu tòa án giải quyết về trách nhiệm cấp dưỡng. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Ng do anh nuôi dưỡng, khi ly hôn anh xin được nuôi cháu Ng, anh xin nuôi con hoàn toàn, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Quan điểm của cháu Ng cũng xin được ở với bố. Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 13-8-2020 bị đơn chị Tô Thị H trình bày: Về điều kiện kết hôn giữa chị và anh Ph như anh Ph trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, vợ chồng không bảo ban được nhau trong cuộc sống làm ăn, hơn nữa do kinh tế khó khăn chị phải đi làm ăn xa nhà. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ tháng 12-2014 đến nay. Nay anh Ph xin ly hôn chị, chị cũng nhất trí vì tình cảm vợ chồng không còn. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Ph được ly hôn. Về nuôi con chung: Chị và anh Ph có 03 con chung là Nguyễn Thị L, sinh năm 1993, Nguyễn Thị Th, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Ng, sinh ngày 10-5-2006. Hiện nay cháu L và cháu Th đã đi xây dựng gia đình, không yêu cầu tòa án giải quyết về trách nhiệm cấp dưỡng. Khi ly hôn chị tôn trọng quan điểm của cháu Ng, cháu ở với ai người đó được nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành cơ bản đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Về giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho anh Ph và chị H được ly hôn; về con chung: Hai cháu Nguyễn Thị L, sinh năm 1993, Nguyễn Thị Th, sinh năm 1996. Hiện nay hai cháu đã đi xây dựng gia đình, nên không giải quyết về trách nhiệm cấp dưỡng. Giao cháu Nguyễn Thị Ng, sinh ngày 10-5-2006 cho anh Ph nuôi dưỡng, chị H

không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Anh Ph và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Ph phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà nhận định:*

[2] Anh Ph khởi kiện yêu cầu được ly hôn chị H, ở Thôn Đ, xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

[3] Chị H có đơn xin xử vắng mặt, vì vậy Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về hôn nhân:* Anh Ph, chị H đều trình bày kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiến Đức vào ngày 25-11-1992 đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, vợ chồng không bao ban được nhau trong cuộc sống làm ăn. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân nhau từ tháng 12-2014 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Ph, chị H đã căng thẳng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh Ph xin ly hôn chị H cũng nhất trí, vì vậy cần xử cho ly hôn giữa anh Ph và chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về nuôi con chung:* Hiện nay hai cháu Nguyễn Thị L, sinh năm 1993, Nguyễn Thị Th, sinh năm 1996, hai cháu đã đi xây dựng gia đình, nên không giải quyết về trách nhiệm cấp dưỡng. Giao cháu Nguyễn Thị Ng, sinh ngày 10-5-2006 cho anh Ph nuôi dưỡng, anh Ph xin nuôi con hoàn toàn, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 - Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về tài sản chung:* Anh Ph, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí:* Anh Ph phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. **Về hôn nhân:** Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Xuân Ph và chị Tô Thị H.
2. **Về nuôi con chung:** Hai cháu Nguyễn Thị L, sinh năm 1993, Nguyễn Thị Th, sinh năm 1996, đã đi xây dựng gia đình nên không giải quyết về trách nhiệm cấp dưỡng. Giao cháu Nguyễn Thị Ng, sinh ngày 10-5-2006 cho anh Ph nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.
3. **Về tài sản chung:** Anh Ph, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. **Về án phí:** Anh Ph phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh Ph đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006098 ngày 11-8-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, anh Ph đã nộp đủ tiền án phí.
5. Anh Ph có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Dương sự
- VKSND huyện H;
- Chi cục THA huyện H;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ

Trần Thị Nhàn

